

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ BÁ TÂM

**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
Ở TỈNH NGHỆ AN**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
Mã số: 62 31 01 02**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. AN NHƯ HẢI

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Lê Bá Tâm

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG	7
1.1. Những nghiên cứu lý luận và thực tiễn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã công bố ở nước ngoài	7
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững	13
1.3. Kết luận rút ra từ những công trình liên quan đến đề tài luận án và vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu	22
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	26
2.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tính quy luật và sự cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững	26
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở nước ta	40
2.3. Kinh nghiệm của một số nước về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững	56
Chương 3: THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở TỈNH NGHỆ AN	69
3.1. Những thuận lợi và khó khăn của tỉnh Nghệ An trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững	69
3.2. Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015	75
3.3. Đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở tỉnh Nghệ An	83
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM THỨC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở TỈNH NGHỆ AN	109
4.1. Phương hướng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở tỉnh Nghệ An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	109
4.2. Giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở tỉnh Nghệ An thời gian tới	125
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	161

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN (<i>ASEAN Economic Community</i>)
CCKTNN	Cơ cấu kinh tế nông nghiệp
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc (<i>Food and Agriculture Organization of the United Nations</i>)
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (<i>Foreign Direct Investment</i>)
FTA	Hiệp định thương mại tự do (<i>Free trade agreement</i>)
GTSX	Giá trị sản xuất
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KTNN	Kinh tế nông nghiệp
KTTT	Kinh tế thị trường
KT-XH	Kinh tế - xã hội
LĐNN	Lao động nông nghiệp
LĐNT	Lao động nông thôn
LLSX	Lực lượng sản xuất
NSLĐ	Năng suất lao động
NN, NT	Nông nghiệp, nông thôn
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức (<i>Official Development Assistance</i>)
PTBV	Phát triển bền vững
PTKT	Phát triển kinh tế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
TPP	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (<i>Trans Pacific Strategic Economic Partnership Agreement</i>)
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới (<i>World Trade Organization</i>)

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH

	Trang
Bảng 3.1: Phân bố cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015	84
Bảng 3.2: Giá trị sản xuất và cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008- 2015 (giá thực tế)	89
Bảng 3.3: Giá trị sản xuất và cơ cấu ngành trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015 (giá hiện hành)	91
Bảng 3.4: Giá trị và cơ cấu chuyên ngành lâm nghiệp tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015 (giá thực tế)	92
Bảng 3.5: Cơ cấu và giá trị chuyên ngành thủy sản tỉnh Nghệ An thời kỳ 2008-2015 (giá thực tế)	94
Hình 3.1: Lượng vốn đầu tư phát triển nông nghiệp phân theo lĩnh vực ngành kinh tế của Nghệ An giai đoạn 2008-2015	85
Hình 3.2: Chuyên dịch cơ cấu vốn đầu tư theo chuyên ngành nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015	86
Hình 3.3: Cơ cấu giá trị sản lượng ba chuyên ngành nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An năm 2008 và năm 2015	90
Hình 3.4: Cơ cấu giá trị sản lượng ba chuyên ngành nông nghiệp thuần ở tỉnh Nghệ An năm 2008 và năm 2015	91
Hình 3.5: Cơ cấu giá trị nội bộ ngành lâm nghiệp ở tỉnh Nghệ An năm 2008 và năm 2015	93
Hình 3.6: Giá trị sản lượng nông nghiệp của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015	96
Hình 3.7: Kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản của tỉnh Nghệ An	97
Hình 3.8: Năng suất lao động trong các ngành kinh tế ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015	102

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) nông nghiệp là quá trình làm thay đổi (tăng hoặc giảm) về tỷ lệ giữa các chuyên ngành, tiểu ngành thuộc ngành hay lĩnh vực nông nghiệp theo một chủ đích nhất định. Trong nền kinh tế thị trường (KTTT), sự thay đổi về tỷ lệ về quy mô sản xuất, giá trị sản lượng giữa các chuyên ngành, tiểu ngành của nông nghiệp theo một chiều hướng nào đó thường nhằm vào mục tiêu đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường và đạt hiệu quả kinh tế tối đa. Kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp (CCKTNN) thể hiện ở mức độ thích nghi của bản thân ngành nông nghiệp với thị trường, ở sức cạnh tranh của hàng nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế; thể hiện ở sự tăng trưởng và đóng góp của nó trong nền kinh tế và thể hiện ở tính bền vững của ngành kinh tế này trong dài hạn. Chuyển dịch CCKT nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững là con đường phát triển mà nhiều quốc gia lựa chọn trong thời đại ngày nay.

Cùng với cả nước trong giai đoạn phát triển KTTT, hội nhập mạnh mẽ vào các quan hệ kinh tế quốc tế, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua, tỉnh Nghệ An đã có những quyết sách nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKTNN theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), coi đó là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Đặc biệt, từ năm 2013, thực hiện chủ trương của Trung ương về tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tỉnh Nghệ An đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chuyển đổi cơ cấu cây trồng mùa vụ, phát triển sản xuất tập trung, quy mô lớn, gắn với tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế; tập trung dồn điền đổi thửa, liên doanh liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng nhanh khoa học và công nghệ (KH&CN), nhất là công nghệ cao vào sản xuất, chế biến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất; đồng thời triển khai thực hiện các chính sách hỗ

trợ phát triển sản xuất, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực quản lý. Nhờ đó, đến cuối năm 2015, toàn tỉnh đã có 21/21 huyện, thành, thị cơ bản hoàn thành công tác dồn điền đổi thửa; Trong 5 năm (2010 - 2015) toàn tỉnh có trên 100 mô hình cánh đồng mẫu lớn đạt hiệu quả kinh tế cao, năng suất, chất lượng tăng tối thiểu 10% [20]. Sản xuất nông nghiệp (SXNN) đã hướng vào phát triển một số loại nông sản mà tỉnh có lợi thế. Đã hình thành được một số vùng SXNN tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm như chè, mía, cao su, thủy sản, rừng trồng nguyên liệu, vùng chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại, gia trại, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Đã xuất hiện các mô hình chuyển đổi CCKTNN có hiệu quả trên địa bàn của tỉnh, như: mô hình trồng cây mùi tàu tạo thu nhập cao ở xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu với diện tích 4 - 5 ha thay cho trồng lúa; trồng cam ồng trên vùng đất đỏ Bazan Phủ Quỳ của Công ty nông nghiệp Xuân Thành; mô hình trang trại tổng hợp, trồng cây ớt cay chỉ thiên ở thành phố Vinh; mô hình phát triển kinh tế biển ở 8 xã thuộc huyện Diễn Châu... Nhiều giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao được đưa vào thâm canh như chè LDP1 cho năng suất 16-18 tấn/ha; lạc L14, L23 cho năng suất từ 4,5 - 5 tấn/ha...[85] Quy trình sản xuất ứng dụng công nghệ cao như VietGap, SRI, quản lý dịch hại IPM được ứng dụng nhanh vào sản xuất đã góp phần quan trọng vào chuyển dịch CCKTNN theo hướng hiện đại và góp phần vào mức tăng trưởng kinh tế chung hàng năm của tỉnh.

Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch CCKTNN còn chậm, chưa phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; SXNN vẫn chưa có sự bứt phá, chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ, hiệu quả thấp; sản xuất chưa thật gắn bó với thị trường; năng suất và chất lượng nông sản còn thấp, sức cạnh tranh yếu. Trước yêu cầu SXNN phải đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng nhanh của người dân với chất lượng tốt hơn, an toàn hơn và trước sức ép cạnh tranh gay gắt khi Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới, nhất là sau khi hình thành Cộng

đồng kinh tế ASEAN (AEC) và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đi vào hoạt động, việc chuyển dịch CCKTNN của tỉnh Nghệ An càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2015-2020) xác định: phải chuyển đổi cách nghĩ, cách làm, phải chuyển dịch CCKTNN theo hướng hiện đại, hiệu quả; đổi mới qui hoạch, tổ chức SXNN theo hướng qui mô lớn, có tính cạnh tranh quốc tế, đạt đến hiệu quả cao, đem lại thu nhập cao hơn cho nông dân; phải HĐH nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng phát triển bền vững.

Để góp phần vào giải quyết vấn đề này, cần có những nghiên cứu cơ bản về lý luận, tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn và phải có những tổng kết đánh giá trên cơ sở khoa học thực trạng tổ chức và hoạt động kinh tế trên địa bàn hiện nay, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở tỉnh Nghệ An”*** để nghiên cứu làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Hệ thống hoá cơ sở lý luận về chuyển dịch CCKTNN theo hướng ***phát triển bền vững (PTBV)*** và tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn của một số tỉnh để nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng chuyển dịch CCKTNN ở tỉnh Nghệ An trong các năm gần đây, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm thúc đẩy theo hướng PTBV trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Thu nhập tài liệu để hệ thống hóa, bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

- Tìm hiểu kinh nghiệm thành công trong chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV của một số nước, rút ra bài học cho Việt Nam.

- Tổng kết, phân tích và đánh giá thực trạng chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV ở tỉnh Nghệ An giai đoạn 2008-2015, kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp thúc đẩy chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV ở tỉnh Nghệ An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Quá trình chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV đặt trong mối quan hệ với PTBV về kinh tế, xã hội và môi trường ở tỉnh Nghệ An.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi đối tượng:* Luận án nghiên cứu chuyển dịch CCKT trong ngành nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm cơ cấu ba nhóm ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, và cơ cấu vùng nông nghiệp, được tiếp cận cả về cơ cấu lao động và cơ cấu giá trị, đặt trong mối quan hệ gắn bó với chuyển dịch CCKT của ba nhóm ngành trong tỉnh là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Việc nghiên cứu chuyển dịch CCKTNN còn có thể được xem xét từ các khía cạnh khác, như: cơ cấu thành phần kinh tế nông nghiệp hay cơ cấu kinh tế - xã hội (KT-XH), cơ cấu kỹ thuật - công nghệ, cơ cấu xuất - nhập khẩu sản phẩm nông sản v.v..., nhưng trong khuôn khổ đề tài luận án, tác giả tập trung xem xét CCKT ngành và CCKT vùng; còn các khía cạnh nêu trên chỉ xem xét ở mức độ nhất định nhằm làm rõ đối tượng nghiên cứu đã đặt ra.

Phạm vi nội dung nghiên cứu chuyển dịch CCKTNN theo hướng phát triển bền vững được xem xét, phân tích gắn với PTBV cả về kinh tế, xã hội và môi trường trên địa bàn.

- *Phạm vi về không gian:* Địa bàn tỉnh Nghệ An, có tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về chuyển dịch CCKTNN để tỉnh Nghệ An tham khảo, học hỏi.

- *Phạm vi thời gian:* Nghiên cứu đánh giá thực trạng chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV ở tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2008-2015,

tức là kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 5/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó nhấn mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững. Những dự báo và đề xuất phương hướng, giải pháp dự kiến đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận và phương pháp tiếp cận

- *Cơ sở lý luận*: Tác giả luận án dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong học thuyết Mác - Lênin để xem xét quá trình chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV ở Việt Nam. Các nghiên cứu đánh giá thực tiễn còn dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- *Phương pháp tiếp cận nghiên cứu*: Đề tài tiếp cận nghiên cứu trên quan điểm chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV đặt trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế, đặc biệt xem xét và đặt trong mối quan hệ nông nghiệp, nông dân, nông thôn, để định dạng con đường phát triển nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An đang ở đâu trong các mô hình lý thuyết, làm cơ sở xác định nội dung và các tiêu chí đánh giá chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- Tác giả luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp thích hợp với nghiên cứu kinh tế chính trị, trong đó chủ yếu là phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp logic kết hợp với lịch sử, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp thống kê, tổng kết thực tiễn, so sánh để làm rõ thực trạng chuyển dịch CCKTNN tỉnh Nghệ An.

- Sử dụng phương pháp phương pháp tổng kết thực tiễn, phương pháp mô hình và đồ thị để phân tích thực trạng chuyển dịch CCKTNN theo hướng PTBV ở tỉnh Nghệ An, mức độ đạt được, những hạn chế và nguyên nhân.